

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2021/HNGĐ-ST

Ngày 15-10-2021

V/v ly hôn giữa chị L và anh N

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Viễn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Vũ

2. Ông Huỳnh Thanh Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 71/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 187/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Mỹ L, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp TL, xã TT, huyện CD, thành phố Cần Thơ “vắng mặt”

2. *Bị đơn:* Anh Võ Văn N, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp TQ 1, xã TH, huyện CD, thành phố Cần Thơ “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 22/02/2021, được sửa đổi bổ sung ngày 11/3/2021, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mỹ L trình bày: Chị và anh N xác lập hôn nhân vào năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Vợ chồng ly thân khoảng 03 năm nay. Xét thấy, vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên chị L xin ly hôn. Về nuôi con chung: Anh, chị có 02 con chung tên Võ Trí V sinh ngày 21/01/2011 và Võ Chí P sinh ngày 14/11/2012. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nghĩa vụ trả nợ: Anh, chị xác định không có.

Bị đơn anh Võ Văn N được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt. Vụ kiện không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Chị L, anh N vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Về tố tụng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, qua phân tích đánh giá chứng cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Mỹ L đối với anh Võ Văn N. Cho chị L ly hôn với anh N. Con chung: Giao cho anh N nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh N không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị L là nguyên đơn được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Lý do xin vắng mặt do chị đi làm tại địa chỉ Tổ, ấp CS, xã TAH, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đang thực hiện giãn cách xã hội do tình hình dịch bệnh nên chị không về tham gia phiên tòa được. Anh N là bị đơn được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L, anh N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh N xác lập hôn nhân năm 2009 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có thời gian dài chung sống hạnh phúc nhưng gần đây phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ nhiều năm nay. Quá trình tố tụng, Tòa án triệu tập họp lệ nhưng anh N vắng mặt, không có văn bản hay ý kiến gì về việc xin ly hôn của chị L. Xét thấy, hôn nhân giữa chị L và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa chị L đối với anh N.

[2.2] Về nuôi con chung: Anh, chị có 02 chung, các con đang sống cùng anh N. Chị L không tranh chấp quyền nuôi con. Do đó, giao con cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Anh N không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

[3] Về án phí: Chị L phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 17 Luật Phí và lệ phí; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Mỹ L và anh Võ Văn N.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Võ Trí V sinh ngày 21/01/2011 và cháu Võ Chí P sinh ngày 14/11/2012 cho anh N nuôi dưỡng. Anh N không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Chị L được quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

5. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Mỹ L phải nộp 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị L đã nộp theo biên lai thu số 0009002 ngày 06/4/2021.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, tuyên án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân địa phương nơi cư trú hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện CĐ;
- Chi cục THADS huyện CĐ;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Minh Viễn